

LUẬN THẬP ĐỊA KINH QUYỂN 3

Địa 1: ĐỊA HOAN HỸ, Phần 3

Luận: Đã nói rõ phần Thuyết giảng. Tiếp theo là nói về phần Đối chiếu chỗ thù thắng. Thế nào là đối chiếu chỗ thù thắng? Ở trong địa này, Bồ-tát đã vượt hơn hàng Thanh văn, Bích-chi-Phật. Đối chiếu về chỗ thù thắng ấy có ba loại:

1. Nguyện thù thắng.
2. Tu hành thù thắng.
3. Lợi ích của quả thù thắng.

Thế nào là nguyện thù thắng? Đó là mười đại nguyện.

Kinh: “Bồ-tát an trú trong địa Hoan hỷ của Bồ-tát như vậy, phát các đại nguyện, đại phương tiện như vậy. Thành tựu đại hạnh như vậy. Đó là đối với toàn bộ tất cả chư Phật, hết thấy đều cung kính cúng dường. Đầy đủ hết thấy mọi thứ, lòng tin thanh tịnh, sâu xa tốt bậc. Rộng lớn như pháp giới, rốt ráo như hư không, tận cùng đời vị lai, hết thấy mọi kiếp, hết thấy số lượng Phật thành đạo, đều cung kính cúng dường lớn lao, không ngừng nghỉ”.

Luận: Đại nguyện thứ nhất là không còn sót ấy có ba loại:

1. Hết thấy Phật không còn sót.
2. Hết thấy cúng dường không còn sót.
3. Hết thấy cung kính không còn sót.

- Hết thấy Phật có ba thân Phật:

1. Ứng thân Phật.
2. Báo thân Phật.
3. Pháp thân Phật.

- Có ba loại hết thấy cúng dường:

1. Cúng dường các thứ lợi dưỡng, như cúng dường y phục,

ngọa cụ...

2. Cúng dường cung kính như hương hoa, cờ phướn...

3. Cúng dường tu hành là tu hành tin nơi giới hạnh ...

- Cung kính hết thấy có ba loại cung kính:

1. Cung kính cung cấp hậu hạ.

2. Cung kính đón đưa.

3. Cung kính tu hành.

Vì vậy khởi nguyện cung kính cúng dường. Như Kinh: Đó là đối với toàn bộ tất cả chư Phật, hết thấy đều cung kính, cúng dường.

Tất cả các thứ đều đầy đủ: Tức là trong vô lượng chủng loại, loại nào tốt hơn thì đem cúng dường.

Lòng tin thanh tịnh sâu xa tối thượng là sự kính trọng tăng thượng, quyết định tin tưởng, nguyện hồi hướng đến đạo quả Bồ-đề.

Rộng lớn như pháp giới: Là trong tất cả mọi căn thiện còn lại thì điều ấy là hơn hết. Rốt ráo như hư không là không thọ nhận quả ái của vô lượng nhân tố.

Tận cùng đời vị lai là nhân này đạt được quả thường hằng Niết-bàn.

Hết thấy kiếp số, hết thấy số lượng Phật thành đạo đều cung kính cúng dường lớn lao, không ngừng nghỉ.

Trong nguyện đầu ấy có sáu loại lớn, gọi là đại nguyện:

1. Phước điền lớn. Như Kinh: Đó là tất cả chư Phật không sót đều hết thấy cung kính, hết thấy cúng dường.

2. Cung cấp lớn. Như Kinh: Tất cả mọi thứ đều đầy đủ.

3. Tâm lớn. Như Kinh: Lòng tin thanh tịnh sâu xa tối thượng.

4. Thân nhiếp công đức lớn. Như Kinh: Rộng lớn như pháp giới.

5. Nhân lớn. Như Kinh: Rốt ráo như hư không.

6. Thời gian lớn. Như Kinh: Tận cùng đời vị lai.

Kinh: “Lại phát đại nguyện, đó là đều có thể thọ trì hết thấy pháp của chư Phật giảng nói. Thân nhận tất cả đạo quả Bồ-đề của Phật. Hộ trì hết thấy pháp của Phật giáo hóa. Rộng lớn như pháp giới, rốt ráo như hư không, tận cùng đời vị lai, tất cả kiếp số, tất cả số lượng Phật thành đạo đều thân nhiếp bảo vệ chánh pháp, không hề ngừng nghỉ”.

Luận: Đại nguyện thứ hai có ba loại pháp. Thọ trì hết thấy pháp luân của chư Phật giảng nói: Là giáo pháp nơi Tu-đa-la ... viết chép, cúng dường, đọc tụng, thọ trì, giảng nói cho kẻ khác.

Thân nhận tất cả đạo quả Bồ-đề của Phật: Tức là chứng pháp, chứng ba loại pháp Bồ-đề của Phật. Thân nhận tất cả pháp chứng đắc

này rồi đem chỉ dạy truyền trao. Hộ trì hết thấy pháp của chư Phật giáo hóa là tu hành. Khi tu hành các pháp có những chướng ngại cần phải thâm nhiếp cứu giúp. Còn gọi là ba loại thành tựu.

1. Thành tựu việc không làm đứt mất pháp luân của chư Phật giảng nói nơi những Tu-đa-la như A-hàm ... theo thứ tự.

2. Thành tựu sự chứng đắc tức là chứng ba loại chánh giác.

3. Thành tựu chánh giác tức là tu hành cho đến tu hành đúng như thật.

Ba loại Bồ-đề của Phật thì Thanh văn và Bích-chi-Phật cũng gọi là Phật.

Kinh: “Lại phát đại nguyện, đó là tất cả thành Phật trọn vẹn, tất cả trú xứ của thế giới. Từ cõi trời Đâu-suất giáng trần, vào thai, ở trong thai, sinh ra, xuất gia, thành Phật, chuyển pháp luân, nhập Niết-bàn. Bấy giờ, mình đối với các sự việc ấy đều đi đến khắp để cúng dường, thâm nhiếp các pháp làm hàng đầu. Bất cứ nơi nào, mọi việc đều chuyển biến thành tựu trong cùng một lúc. Rộng lớn như pháp giới, rớt ráo như hư không, tận cùng đời vị lai, hết thấy kiếp số, hết thấy số lượng Phật thành đạo, đem đến khắp nơi thâm nhiếp các pháp không có ngừng nghỉ”.

Luận: Đại nguyện thứ ba là tất cả thành Phật trọn vẹn, tất cả trú xứ của thế giới: Nghĩa là hết thấy ứng thân Phật là vô biên, đầy khắp mọi trú xứ của thế giới. Tùy theo trú xứ của chư Phật ở thế giới nào, có nhân duyên cảm ứng thuận hợp thì chúng sinh đều trông thấy cả.

Từ cõi trời Đâu-suất hạ sinh, cho đến thị hiện nhập đại Niết-bàn, bấy giờ mình đối với các sự kiện ấy đều đến khắp để cúng dường.

Thâm nhiếp các pháp làm hàng đầu: Tùy theo các chúng sinh kia dùng phương tiện cúng dường Phật, dùng phương tiện để thâm nhiếp các pháp do Như Lai thuyết giảng, tích tập công đức trí tuệ và các pháp trợ Bồ-đề.

Bất cứ nơi đâu, mọi việc đều chuyển biến, thành tựu trong cùng một lúc: Là chỉ rõ không có trước-sau.

Tại sao Phật thị hiện ở trú xứ kia? Vì Ngài không trú nơi cõi Sắc, Vô sắc. Nếu từ các chốn khổ nạn ấy đến, không vì mình thì họ sẽ khởi tâm khinh thường, không sinh tâm cung kính, cho nên phải ngăn chặn việc đó. Tại sao Như Lai không trú cõi trời Tha-hóa-tự-tại? Như Lai đầy đủ thần lực cho nên có thể sinh vào nơi chốn thù thắng. Nhưng từ bỏ không sinh ở nơi đó là vì nghĩ tới chúng sinh, cho nên hạ sinh từ cõi trời Đâu-suất, khiến chúng sinh phát sinh tâm đại cung kính. Tại sao bỏ thú

vui nơi cõi Thiên thượng mà sinh trong loài người? Vì Như Lai thương xót chúng ta, sinh trong loài người này để làm cho con người sinh tâm cung kính thêm lên. Do đâu ở trong thai? Là thị hiện cùng sinh, làm tăng trưởng sức lực. Tại sao Như Lai tự mình thành tựu chánh giác? Tức là chỉ rõ không phải do Phật khác giáo hóa, hiện bày sức mạnh của bậc trượng phu, thành tựu đạo quả Bồ-đề không phải nhờ người khác mà được.

Do đâu thị hiện nhập Niết-bàn? Là khiến cho các chúng sinh biếng trễ phải siêng năng tu tập.

Kinh: “Lại phát đại nguyện, đó là hết thảy việc làm của Bồ-tát rộng lớn vô lượng, không xen tạp, đều thâm nhiếp trong các pháp Ba-la-mật. Những chốn thanh tịnh của các địa phát sinh các pháp trợ đạo đủ mọi tổng tướng, biệt tướng, đồng-dị-thành-hoại tướng.

Nêu bày mọi việc làm của Bồ-tát là đạo như thật nơi địa, và các phương tiện tạo tác của các pháp Ba-la-mật, là giáo hóa chúng sinh, khiến mọi người đều nhận lãnh và thực hành, làm cho tâm được tăng trưởng, rộng lớn như pháp giới, rớt ráo như hư không, tận cùng đời vị lai, hết thảy số kiếp, số lượng công hạnh tăng lên mãi, không có ngừng nghỉ”.

Luận: Đại nguyện thứ tư là tâm được tăng trưởng. Dùng những hành gì làm cho tâm tăng trưởng? Là hết thảy việc hành trì giáo hóa của Bồ-tát khiến tất cả đều thọ nhận, thực hành, làm cho tâm tăng trưởng. Hành của Bồ-tát có bốn loại: Một là chủng chủng, hai là thể, ba là nghiệp, bốn là phương tiện. Giáo hóa theo bốn loại đó, giúp cho chúng sinh nhận lãnh và thực hành.

Những gì là hành của Bồ-tát? Là vô số việc làm ở thế gian. Có ba loại: Rộng là từ sơ địa đến địa thứ sáu. Lớn là địa thứ bảy. Vô lượng là từ địa thứ tám cho đến địa thứ mười.

Không xen tạp là pháp bình đẳng, vô ngã, trí quán xét xuất thế gian. Như Kinh: Hết thảy các việc làm của Bồ-tát là rộng lớn, vô lượng, không xen tạp.

Thể là như Kinh: Điều thâm nhiếp trong các pháp Ba-la-mật.

Nghiệp là như Kinh: Địa thanh tịnh phát sinh các pháp trợ đạo.

Phương tiện là như Kinh: Tổng tướng, biệt tướng, dị-đồng-thành-hoại tướng. Nói tất cả việc làm của Bồ-tát là đạo như thật ở các địa cùng các nghiệp của phương tiện Ba-la-mật.

Kinh: “Lại phát đại nguyện, đó là tất cả cảnh giới của chúng sinh đầy đủ có sắc, không sắc, có tướng, không tướng, không phải là không

tưởng, phi tưởng phi phi tưởng, cho đến noãn sinh, thai sinh, thấp sinh, hóa sinh, mọi hệ thuộc trong ba cõi, xen lẫn vào sáu đường, tất cả chốn sinh thân nhiếp trong danh sắc, đều giáo hóa thành tựu, khiến hết thấy chúng sinh có lòng tin, đi vào pháp của chư Phật, đoạn trừ tất cả các nẻo của thế gian, khiến trú vào trí Nhất thiết trí, rộng lớn như pháp giới, rốt ráo như hư không, tận cùng đời vị lai, hết thấy kiếp số, hết thấy cảnh giới của chúng sinh, giáo hóa trọn vẹn không ngừng nghỉ”.

Luận: Đại nguyện thứ năm là giáo hóa chúng sinh. Chúng sinh là gì? Có nghĩa gì? Giáo hóa hết thấy chúng sinh có sáu loại khác nhau:

1. Khác nhau về tế và thô.
2. Khác nhau về nơi sinh ra và nương tựa.
3. Khác nhau về nơi chốn sạch-không sạch.
4. Khác nhau về khổ-vui.
5. Khác nhau về tự nghiệp.
6. Khác nhau về tự thể.

- Thế nào là khác nhau về tế và thô? Thô là có sắc, vi tế là không có sắc. Trong sắc thô là có tướng. Vi tế thì không có tướng. Trong vô sắc, thô không phải là không có tướng. Vi tế là phi tưởng phi phi tưởng. Đó gọi là sự khác nhau giữa thô và tế.

Như Kinh: Có sắc, không sắc. Có tướng, không có tướng. Không phải là không có tướng, phi tưởng phi phi tưởng.

- Khác nhau về nơi sinh ra và nương tựa như Kinh: Noãn sinh, thai sinh, thấp sinh, hóa sinh. Hóa sinh nương vào đâu? Nó nương vào nghiệp sinh.

- Khác nhau về nơi chốn sạch-không sạch. Như Kinh: Hệ thuộc vào ba cõi.

- Khác nhau về khổ vui là do có nhiều thứ thân, như Kinh: Xen lẫn vào sáu đường.

- Khác nhau về tự nghiệp, như Kinh: Tất cả nơi chốn sinh ra.

- Khác nhau về tự thể. Như Kinh: Thân nhiếp trong danh sắc. Đó gọi là chúng sinh. Giáo hóa nghĩa là sao? Có ba nghĩa:

1. Khiến họ có lòng tin, tiến vào pháp của chư Phật thuyết giảng. Như Kinh: Vì giáo hóa thành tựu hết thấy cõi chúng sinh, khiến tin và tiến vào giáo pháp của chư Phật.

2. Những ai đã đi vào pháp Phật rồi thì khiến họ nhập vào Bồ-đề của Nhị thừa. Như Kinh: Đoạn trừ hết thấy các đạo của thế gian.

3. Đã vào Bồ-đề của Nhị thừa thì giúp họ tiến vào Bồ-đề Vô thượng. Như Kinh: Khiến an trú nơi trí Nhất thiết trí.

Kinh: “Lại phát đại nguyện, đó là toàn bộ tất cả thế giới rộng lớn vô lượng, bao gồm thô-tế-trú loạn-trú điên đảo-trú chánh đáng với vô số sai khác như lưới của Đế Thích. Mười phương thế giới với vô lượng dị biệt đều hội nhập, đều nhận biết ngay trước mặt. Rộng lớn như pháp giới, rớt ráo như hư không, tận cùng đời vị lai, hết thủy kiếp số, hết thủy số lượng thế giới đều tin tưởng tiến vào không ngừng nghỉ”.

Luận: Đại nguyện thứ sáu là toàn bộ hết thủy thế giới, tức là gồm có ba loại tướng tùy theo trí hội nhập thế giới như thế đều nhận biết nơi hiện tiền.

1. Tướng hết thủy.
2. Tướng của nghĩa chân thật.
3. Tướng vô lượng.

Tướng hết thủy là như Kinh: Rộng lớn vô lượng cho đến chánh trú.

Rộng lớn vô lượng tức là một ngàn thế giới, hai ngàn thế giới, ba ngàn thế giới.

Tế là tùy thuộc vào ý thức thân của thế giới nào đó. Thô là tùy thuộc vào ý sắc thân của thế giới nào đó.

Loạn trú (Trú loạn) là ở không có thứ tự. Đảo trú (Trú điên đảo) là ở không tạo ra nhà cửa gì hết. Chánh trú (Trú chánh đáng) là ở có nhà cửa. Đó gọi là hết thủy tướng.

Khác nhau như lưới trời Đế Thích là tướng của nghĩa chân thật, như nghiệp tạo ra mọi thứ huyền ảo. Tướng vô lượng là đi vào mười phương thế giới với vô lượng sai biệt, tức là tướng của chúng vô lượng. Tướng của nghĩa chân thật là chỉ có trí mới có thể nhận biết. Tướng còn lại thì có thể thấy rõ.

Kinh: “Lại phát đại nguyện, đó là tất cả cõi Phật là một cõi Phật, một cõi Phật là tất cả cõi Phật, hết thủy cõi nước đều thanh tịnh bình đẳng. Tất cả cõi Phật đều trang nghiêm bằng uy lực thần thông chiếu sáng đầy đủ. Là hết mọi thứ phiền não, thành tựu đạo thanh tịnh. Chúng sinh ở trong đó đều đầy đủ vô lượng trí tuệ, đều hội nhập cảnh giới bình đẳng thượng diệu của Phật. Tùy sự ưa thích nơi tâm niệm của các chúng sinh mà Như Lai thị hiện. Rộng lớn như pháp giới, rớt ráo như hư không, tận cùng đời vị lai, tận cùng hết thủy kiếp số và số lượng cõi Phật, đều làm thanh tịnh tất cả cõi Phật không ngừng nghỉ”.

Luận: Đại nguyện thứ bảy là làm thanh tịnh cõi Phật. Có bảy loại tướng:

1. Đồng thể tịnh (Thanh tịnh do đồng thể tánh). Như Kinh: Hết

thấy cõi Phật là một cõi Phật. Một cõi Phật là hết thấy cõi Phật.

2. Tự tại tịnh (Thanh tịnh do tự tại). Như Kinh: Hết thấy cõi nước đều thanh tịnh bình đẳng.

3. Trang nghiêm tịnh (Thanh tịnh do trang nghiêm). Như Kinh: Hết thấy cõi Phật đều trang nghiêm bằng thân thông sáng chói đầy đủ. Trang nghiêm bằng ánh sáng và bằng mọi thứ châu báu.

4. Thọ dụng tịnh (Thanh tịnh do thọ dụng). Như Kinh: Lìa mọi thứ phiền não, thành tựu đạo thanh tịnh.

5. Trú xứ chúng sinh tịnh (Thanh tịnh do chúng sinh trú xứ). Như Kinh: Chúng sinh ở trong đó đều có vô lượng trí tuệ.

6. Nhân tịnh (Thanh tịnh do nhân). Như Kinh: Nhập vào cảnh giới bình đẳng thượng diệu của Phật.

7. Quả tịnh (Thanh tịnh do quả). Như Kinh: Theo sự ưa thích nơi tâm của các chúng sinh mà Như Lai thị hiện, làm sáng tỏ thần lực của trí.

Kinh: “Lại phát đại nguyện, đó là tất cả Bồ-tát đồng tâm đồng hành cùng gom góp căn thiện, không đố kỵ. Hết thấy Bồ-tát đều bình đẳng xem cùng là một. Thường thân cận chư Phật, Bồ-tát, không lìa bỏ. Tùy theo ý có thể hóa hiện thân Phật. Từ trong tâm đều có thể hiểu biết thần lực, trí lực của Phật. Được pháp không thoái chuyển, tùy ý hiện thân thông. Đều có khả năng du hành tới mọi thế giới. Hiện thân tương khắp các pháp hội của chư Phật. Có khả năng hóa sinh vào bất cứ nơi chốn nào, thành tựu pháp Đại thừa không thể nghĩ bàn, hành trì hạnh Bồ-tát đầy đủ. Rộng lớn như pháp giới, rớt ráo như hư không, tận cùng đời vị lai, hết thấy kiếp số, hết thấy số lượng hành hóa đều tiến vào pháp Đại thừa không ngừng nghỉ”.

Luận: Đại nguyện thứ tám là không nghĩ tới Thừa khác. Như Kinh: Hết thấy Bồ-tát đồng tâm đồng hành. Hạnh Bồ-tát có mười loại:

1. Cùng gom góp căn thiện, không ganh ghét nhau.
2. Hết thấy Bồ-tát đều bình đẳng như một.
3. Thường thân cận chư Phật, Bồ-tát, không rời bỏ.
4. Tùy ý có thể hiện thân Phật.
5. Tự trong tâm có thể hiểu biết hết thấy trí lực, thần lực của Phật.
6. Được pháp bất thoái chuyển, tùy ý hiện bày thân thông.
7. Có khả năng du hành tới mọi thế giới.
8. Có thể hiện thân tương vào chúng hội của hết thấy Phật.
9. Có thể sinh vào bất cứ nơi chốn nào.

10. Thành tựu pháp Đại thừa không thể nghĩ bàn.

Đó là hành trì đầy đủ các hạnh của Bồ-tát.

Trong ấy, câu đầu là làm sáng tỏ về hạnh công đức.

Câu hai là trú trong quán chiếu bình đẳng tịch tĩnh.

Câu ba là tụ hội, giảng giải, luận bàn về pháp Phật.

Câu bốn là tùy tâm thị hiện thành Phật.

Câu năm là tự phát tâm thù thắng nhớ tới Pháp thân của Như Lai.

Câu sáu là luôn được thần thông không thối chuyển.

Bốn câu còn lại là do nghiệp chung mà được tên gọi.

1. Đi tới các thế giới khác.

2. Thị hiện từ nơi thân khác.

3. Cùng sinh đến một nơi.

4. Nhập vào pháp Đại thừa không thể nghĩ bàn.

Kinh: “Lại phát đại nguyện đó là: Nương vào pháp luân không thối chuyển, hành trì hạnh Bồ-tát. Nghiệp do thân-miệng-ý tạo tác thì chẳng hư rộng. Nếu chúng sinh trông thấy thì nhất định đạt được pháp Phật. Nghe tiếng mình giảng nói liền được trí tuệ chân thật. Tâm vui mừng cung kính liền dứt hết phiền não. Được thân như Dược thọ vương. Được thân như ngọc báu Như ý. Hành hóa hạnh của Đại Bồ-tát. Rộng lớn như pháp giới, rớt ráo như hư không, tận cùng đời vị lai, hết thấy kiếp số, hết thấy số lượng việc làm đều tạo ích lợi chân thật không ngừng nghỉ”.

Luận: Đại nguyện thứ chín là làm sáng tỏ việc hành trì chân thật nơi hạnh của Bồ-tát. Lại nữa, hành trì hạnh của Bồ-tát là làm sáng tỏ nương vào giáo pháp không thối chuyển để hành hạnh Bồ-tát. Hành trì hạnh Bồ-tát không hư giả có hai loại:

1. Không hư giả do tác nghiệp nhất định: Là nghiệp thân-khẩu-ý làm ra không hư rộng. Ba câu nêu ra theo trình tự như vậy, cho nên biết. Chúng sinh trông thấy thì nhất định đạt được pháp Phật là nêu rõ về thân nghiệp không hư giả. Nghe lời mình giảng nói liền được trí tuệ chân thật, là chứng tỏ khẩu nghiệp không hư giả. Tâm hoan hỷ cung kính thì phiền não được dứt hết, là chứng tỏ ý nghiệp không hư giả.

2. Không hư giả do tạo lợi ích:

Hết thấy chúng sinh có hai loại khổ:

1. Vô số các thứ khổ

2. Khổ vì bản cùng. Đối trị hai loại này, như Kinh: Như được thân Dược thọ vương, được thân như ngọc báu Như ý.

Kinh: “Lại phát đại nguyện đó là ở trong hết thủy mọi thế giới, đều thành tựu đạo quả Bồ-đề Vô thượng.

Ở trong một cõi phàm phu, vẫn không lìa tất cả các cõi phàm phu. Đức Như Lai đã thị hiện thân sơ sinh, tọa đạo tràng, thành Phật đạo, chuyển pháp luân hóa độ chúng sinh, nhập Niết-bàn. Hiện bày trí lực đại thần thông nơi cảnh giới của chư Phật. Theo cảnh giới của tất cả chúng sinh cần được hóa độ, thì ở trong niệm niệm thị hiện đạt được Phật đạo, hóa độ các chúng sinh, diệt trừ khổ não. Dùng một trong ba Bồ-đề nhận biết khắp cả mọi pháp, như tánh của Niết-bàn. Dùng một âm thanh nêu giảng khiến hết thủy chúng sinh đều vui mừng. Thị hiện đại Niết-bàn nhưng không làm đứt mất con đường hành hóa của Bồ-tát. Thị hiện cảnh giới đại trí tuệ, phát khởi mọi pháp, thần thông pháp trí, thần thông như ý, thần thông như huyền trùm khắp tất cả thế giới. Rộng lớn như pháp giới, rớt ráo như hư không, tận cùng đời vị lai, tận cùng mọi kiếp số, số lượng thành tựu ba pháp Bồ-đề, cầu được đại trí tuệ, đại thần thông... không ngừng nghỉ.

Chư Phật tử! Bồ-tát an trú nơi địa Hoan hỷ của Bồ-tát như vậy, phát khởi các đại nguyện, phát khởi phương tiện lớn như vậy, đại hạnh như vậy, lấy mười môn nguyện làm đầu ... đầy đủ từ mười-trăm-ngàn-vạn A-tăng-kỳ đại nguyện. Bồ-tát an trú nơi địa Hoan hỷ của Bồ-tát phát khởi các nguyện như vậy”.

Luận: Đại nguyện thứ mười là phát khởi hạnh Đại thừa. Thế nào là đại Bồ-đề? Thế nào là tác nghiệp?

Đại Bồ-đề là như Kinh: Thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Tác nghiệp có bảy loại:

1. Nghiệp chỉ rõ về chánh giác.
2. Nghiệp nêu bày thật đế.
3. Nghiệp làm rõ sự giáo hóa.
4. Nghiệp giảng nói nhiều loại pháp.
5. Nghiệp không làm đứt mất chủng tánh Phật.
6. Nghiệp khiến pháp luân còn tồn tại.
7. Nghiệp tự tại.

Nghiệp đầu là sống trong một cõi phàm phu vẫn không lìa bỏ tất cả các cõi phàm phu khác... cho đến... thị hiện đại Niết-bàn.

Một cõi phàm phu là như cõi Diêm-phù-đề. Cõi phàm phu Diêm-phù-đề là chúng sinh nơi đây có thể hóa độ được, gọi là cõi phàm phu.

Nghiệp thứ hai là hiện bày trí lực đại thần thông nơi cảnh giới của

chư Phật. Tùy theo hết thấy chúng sinh trong các cõi, đáng hóa độ thì trong từng niệm thị hiện cảnh Phật thành đạo hóa độ tất cả chúng sinh, dập tắt mọi khổ não. Tùy theo các thế giới, thì tất cả có thể giáo hóa theo tâm thị hiện thân Phật. Thị hiện thân Phật nghĩa là ngoài trừ các xứ nạn, thân Phật kia sẽ sinh vào các xứ sở thù thắng, để thị hiện quá trình trừ khổ-đoạn tập-chứng diệt-tu đạo.

Nghiệp thứ ba là dùng một trong ba Bồ-đề quán pháp vô ngã, vì mọi pháp tánh đều là Niết-bàn thanh tịnh, khiến chúng sinh tin, hiểu.

Nghiệp thứ tư là dùng một âm thanh tùy theo vô số chúng sinh tin hiểu có thể giáo hóa, cùng lúc đều khiến cho tâm hoan hỷ.

Nghiệp thứ năm là thị hiện đại Niết-bàn, nhưng vẫn không làm dứt mất diệu lực nơi nẻo hành hóa của các Bồ-tát.

Nghiệp thứ sáu là tiếp tục dùng trí địa của Phật với các pháp được nêu giảng nơi hết thấy Tu-đa-la đều khiến không bị mất.

Nghiệp thứ bảy là Pháp trí thông quán hết thấy các pháp không có tánh-tướng. Như ý thần thông là tự thân thị hiện sinh-trú diệt, dài ngắn tùy tâm tự tại. Huyền thần thông là làm mọi việc bên ngoài khiến nó chuyển đổi tùy ý. Thần thông pháp trí thứ nhất không trú ở thế gian. Còn Thần thông như ý, Thần thông huyền thì không trú ở Niết-bàn.

Tại sao chỉ nói mười đại nguyện này?

Nguyện đầu là hạnh công đức đầy đủ. Nguyện thứ hai là hạnh trí tuệ đầy đủ. Năm nguyện tiếp theo là giáo hóa chúng sinh.

1. Dùng thân nào?
2. Dùng tâm nào?
3. Chúng sinh nào?
4. Chúng sinh ở nơi nào?
5. Tự thân sống nơi đâu để có thể giáo hóa chúng sinh?

Ba nguyện sau là làm sáng tỏ tự thân:

1. Được trú địa rồi còn đối chiếu chỗ thù thắng.
2. Được địa Bồ-tát rồi, đối chiếu tận cùng chỗ thù thắng.
3. Đạt được tất cả các địa trọn vẹn, rốt ráo.

Ba điều này chỉ rõ việc giáo hóa chúng sinh đúng như thật.

Phát các đại nguyện là tùy theo tâm cầu đạt nghĩa.

Khởi đại phương tiện như vậy là thành tựu chỗ tạo tác phương tiện dũng mãnh kia.

Đại hạnh như vậy là thành tựu chỗ tạo tác các hành. Bồ-tát an trú ở địa này, cần phải lần lượt tu tập lâu dài mới mong phát khởi ba công hạnh ấy, chứ không phải một lúc mà có được. Tại sao? Vì mười đại

nguyện này, trong mỗi mỗi nguyện đều có trăm ngàn vạn A-tăng-kỳ đại nguyện làm quyến thuộc. Như Kinh: Chư Phật tử! Bồ-tát an trú nơi địa Hoan hỷ của Bồ-tát như vậy, phát các đại nguyện, khởi đại phương tiện như vậy, khởi đại hạnh như vậy, dùng mười môn nguyện làm đầu, sinh đầy đủ mười, trăm, ngàn, vạn, A-tăng-kỳ đại nguyện như vậy. Bồ-tát này trú ở địa Hoan hỷ của Bồ-tát, phát khởi nguyện như thế... Thế nào gọi là đại nguyện? Do căn thiện sáng tỏ chuyển biến vượt hơn, tăng trưởng rộng lớn. Sự đối chiếu về nguyện thù thắng của Bồ-tát ấy có hai loại vượt hơn hàng Thanh văn, Bích-chi-Phật:

1. Thường siêng năng tu tập vô lượng hạnh.
 2. Đồng hành cùng với tất cả chúng sinh.
- Đồng hành này nơi mười câu nói về tận cùng đã chỉ rõ.

Kinh: “Dùng mười câu nói về tận cùng để tạo thành các đại nguyện. Những gì là mười? Đó là:

1. Tận cùng cảnh giới của chúng sinh.
2. Tận cùng thế giới.
3. Tận cùng cõi hư không.
4. Tận cùng pháp giới.
5. Tận cùng cảnh giới Niết-bàn.
6. Tận cùng thế giới Phật xuất hiện.
7. Tận cùng cảnh giới trí tuệ của Như Lai.
8. Tận cùng cảnh giới mà tâm duyên vào.
9. Tận cùng cõi hội nhập của trí nơi cảnh giới của Phật.
10. Tận cùng cõi trí chuyển nơi chuyển pháp luân của thế gian.

Nếu cảnh giới của chúng sinh hết thì nguyện của mình mới hết.

Nếu thế giới hết, nếu cảnh giới hư không hết, như pháp giới hết, nếu cảnh giới Niết-bàn hết, nếu thế giới của Phật ra đời hết, nếu cảnh giới của trí Phật hết, nếu cảnh giới duyên của tâm hết, nếu cõi trí hội nhập nơi cảnh giới của Phật hết hay không hết, cảnh giới duyên của tâm hết hay không hết, cảnh giới nơi trí của Như Lai hết hay không hết, cõi trí chuyển nơi chuyển pháp luân của thế gian hết, nếu các cảnh giới kia hết thì nguyện của mình mới hết.

Như vậy, cảnh giới của chúng sinh có hết hay không hết, căn thiện này của mình vẫn không thể hết. Thế giới hết hay không hết, cảnh giới hư không hết hay không hết, pháp giới hết hay không hết, cảnh giới Niết-bàn hết hay không hết, thế giới của Phật ra đời hết hay không hết, cõi trí hội nhập nơi cảnh giới của Phật hết hay không hết, cảnh giới duyên của tâm hết hay không hết, cảnh giới nơi trí của Như Lai hết hay không hết, cõi trí chuyển nơi chuyển pháp luân của thế gian hết hay

không hết thì căn thiện nơi các nguyện này vẫn không thể hết”.

Luận: Trong này, cảnh giới của chúng sinh tận cùng là Tổng, thế giới tận cùng... cho đến cõi trí chuyển tận cùng là Biệt.

Những gì là cảnh giới của chúng sinh, cảnh giới của chúng sinh tận cùng? Thế giới tận cùng sẽ trú ở đâu? Cảnh giới hư không hiện có và cảnh giới hư không tận cùng. Giảng nói pháp gì để giáo hóa tận cùng pháp giới? Tùy thuận giáo hóa chúng sinh đặt ở đâu? Đặt ở tận cùng cảnh giới Niết-bàn, Phật ra đời nơi thế giới tận cùng, dùng phương tiện thiện xảo gì? Đó là tận cùng cảnh giới trí tuệ của Như Lai, tùy theo chỗ tận cùng cảnh giới duyên của tâm. Lại tùy theo chỗ dùng cảnh giới nào? Đó là tận cùng cõi trí hội nhập nơi cảnh giới của Phật. Các sự việc ấy đã nêu ra.

Tận cùng là chỉ rõ không dứt hết, không phải là niệm niệm dứt hết. Chín loại tận cùng này, nói gọn là có ba loại. Ba chuyển biến chỉ rõ diệu lực tăng thượng nơi mười câu nói về tận cùng ấy. Dùng diệu lực này, chư Phật thường tạo ích lợi cho chúng sinh.

Như vậy là đã nói về phân so sánh để thấy nguyện thù thắng. Thế nào là so sánh để thấy hạnh thù thắng?

Kinh: “Chư Phật tử! Sau khi quyết định phát khởi các đại nguyện như vậy rồi, Bồ-tát được tâm điều thuận, tâm hòa dịu. Như vậy là lòng tin đã thành tựu, tin các Đức Phật Như Lai vốn đã từng thực hành chứng nhập, tích tập các pháp Ba-la-mật luôn được tăng trưởng. Khéo thành tựu các địa, đầy đủ các pháp không sợ hãi, mười lực, các pháp bất cộng của Phật không hư hoại. Pháp Phật là không thể nghĩ bàn, không có chặng giữa, không biên vực. Cảnh giới của Như Lai khởi vô lượng hạnh môn là cảnh giới hội nhập của các Như Lai, là tin nơi quả thành tựu.

Nói tóm lại, tin nơi hạnh của hết thảy Bồ-tát, cho đến khi được trí lực của Như Lai cũng nêu bày về chỗ hơn”.

Luận: Phát các đại nguyện như vậy rồi thì được tâm điều thuận; tức là đạt được tự tại thù thắng trong mọi căn thiện kia. Tâm hòa dịu là đạt được hạnh an vui hơn hết. Như thế tức là lòng tin thành tựu: Nghĩa là ở trong bản hạnh. Chứng nhập là từ chỗ hội nhập hạnh Bồ-tát, cho đến khi thành tựu đạo quả Bồ-đề, trong ấy tin vào chỗ thâm nhiếp của hạnh Bồ-tát. Hội nhập của bản hạnh có hai loại tướng:

1. Thế nào là hạnh Bồ-tát?
2. Thế nào là thứ tự thành tựu?

Như Kinh: Tích tập các Ba-la-mật luôn được tăng trưởng. Khéo thành tựu các địa.

Hội nhập của bản hạnh là chỗ thâm nhiếp của Bồ-đề ấy có sáu loại thù thắng. Do đó tin là hơn hết.

1. Thù thắng do đối trị các thứ ma oán, ngoại đạo cùng hàng Nhị thừa. Như Kinh: Đầy đủ các pháp vô úy, mười lực, pháp bất cộng của Phật, không hư hoại.

2. Thù thắng vì diệu lực thần thông là hơn hết, là không thể nghĩ bàn. Như Kinh: Pháp Phật là không thể nghĩ bàn.

3. Thù thắng vì không tạp nhiễm. Như Kinh: Cảnh giới của Như Lai hiện khởi là không chặng giữa, không biên vực.

4. Thù thắng do Nhất thiết chủng trí. Như Kinh: Vô lượng môn hành đều nhập vào cảnh giới của Như Lai.

5. Thù thắng vì xa lìa, tức là luôn xa lìa tất cả phiền não tập khí. Như Kinh: Tin nơi quả thành tựu.

6. Lại lược nói về chỗ thị hiện hội nhập nơi bản hạnh của Bồ-tát kia. Như Kinh: Tóm lại, tin nơi tất cả hạnh Bồ-tát, cho đến đạt được trí địa của Như Lai cũng nêu bày về chỗ hơn (thù thắng). Nêu bày là chỗ thuyết giảng. Hơn là chỗ chứng đắc. Bồ-tát này có ba loại quán cho nên đối với chúng sinh khởi tâm Đại Từ Bi: Xa lìa an lạc đệ nhất nghĩa tối thượng. Gồm đủ các khổ. Đối với hai loại điên đảo kia, thế nào là lìa bỏ sự an lạc đệ nhất nghĩa đối thượng?

Kinh: “Chư Phật tử! Bồ-tát đó suy nghĩ như vậy: Chánh pháp của chư Phật hết mực thâm diệu như thế, tịch tĩnh như thế, vắng lặng như thế, Không như thế, Vô tướng như thế, Vô nguyện như thế, vô nhiễm như thế, vô lượng như thế, tối thượng như thế, pháp của chư Phật như thế thì rất khó đạt được”.

Luận: Chánh pháp của chư Phật hết mực thâm diệu như thế, có chín loại:

1. Hết mực thâm diệu do tịch lặng.
2. Hết mực thâm diệu do tịch diệt.
3. Hết mực thâm diệu do Không.
4. Hết mực thâm diệu do Vô tướng.
5. Hết mực thâm diệu do Vô nguyện.
6. Hết mực thâm diệu do vô nhiễm.
7. Hết mực thâm diệu do vô lượng.
8. Hết mực thâm diệu do tối thượng.
9. Hết mực thâm diệu do khó đạt được.

Tịch tĩnh là lìa bỏ những vọng chấp về thật có. Vọng cho là có mà giữ lấy.

Tịch diệt là định nơi nghĩa của pháp.

Không, Vô tướng, Vô nguyện là quán về cửa giải thoát để đối trị ba chương. Thế nào là ba chương? Đó là phân biệt, tướng và chấp giữ. Ba chương đó làm cho bỏ nguyện.

Vô nhiễm là quán pháp, lìa bỏ tạp nhiễm.

Vô lượng là không thể tính toán về số lượng, là quán căn thiện sinh khởi không thể suy lường.

Tối thượng là trí quán nương vào tự lợi-lợi tha tăng thượng.

Khó đạt được là quán về sự chứng trí trải qua ba A-tăng-kỳ kiếp.

Thế nào là gồm đủ các khổ?

Kinh: “Nhưng tâm của các phàm phu rơi vào tà kiến, bị vô minh tối tăm che phủ ý thức họ, khiến luôn tạo lập trú kiêu mạn, rơi vào niệm ham muốn, rớt trong lưới khát ái, thuận theo rừng dua nịnh tà vạy, thường ôm lòng ganh ghét, tất cả nhân duyên của nơi chốn sinh ra thân sau. Tích tập nhiều tham dục, sân hận, ngu si, dấy khởi lên các hành nghiệp giận, ghét, như gió dữ thổi suốt, tâm tội như lửa khiến luôn bốc cháy hừng hực, mọi chỗ tạo nghiệp đều tương ứng với điên đảo, cuốn theo dục lậu-hữu lậu-vô minh lậu, nối tiếp để tạo cho nên chủng tử của tâm ý thức”.

Luận: Nhưng tâm của các phàm phu rơi vào tà kiến. Tà kiến có chín loại:

1. Tà kiến che lấp ý. Như Kinh: Bị vô minh tối tăm che lấp ý thức họ.

2. Tà kiến do kiêu mạn. Như Kinh: Thường tạo lập trú kiêu mạn.

3. Tà kiến do niệm ái. Như Kinh: Rơi vào niệm dục, rớt trong lưới khát ái.

4. Tà kiến do tâm dua nịnh, quanh co. Như Kinh: Xuôi theo rừng dua nịnh tà vạy.

5. Tà kiến do hành động đố kỵ. Như Kinh: Thường ôm lòng đố kỵ làm nhân duyên cho mọi chốn sinh ra thân sau.

6. Tà kiến do tích tập các nghiệp. Như Kinh: Tích tập nhiều tham dục, sân hận, ngu si, dấy khởi các hành nghiệp.

7. Tà kiến do tâm dục luôn cháy bùng. Như Kinh: Ghét-giận như gió dữ thổi suốt, tâm tội như lửa luôn khiến cháy bùng.

8. Tà kiến do khởi lên các nghiệp. Như Kinh: Chỗ tạo nghiệp đều tương ứng với điên đảo.

9. Tà kiến do chủng tử của tâm, ý thức. Như Kinh: Cuốn theo dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu, nối tiếp để sinh chủng tử của tâm ý thức.

Ba loại tà kiến: Tà kiến che lấp ý thức, tà kiến do kiêu mạn, tà kiến do niệm ái, đều dựa vào chỗ vọng chấp của nghĩa pháp theo thứ tự như vậy. Còn tà kiến do tâm dua nịnh, quanh co; tà kiến do hành động đố kỵ, hai loại này sinh khởi do lúc theo đuổi, tìm cầu, tâm tạo lỗi lầm. Tật (Ganh)-Đố (Ghét) là đối với tài sản của người khác. Do vậy, đời đời sinh vào nơi hèn kém, thân hình xấu xí, của cải ít ỏi.

Tà kiến thứ sáu do tích tập các nghiệp: Tức là khi nhận lãnh các thọ thì yêu-ghét đối với hai cảnh giới điền đảo kia.

Tà kiến thứ bảy: Tức là lúc oán hận cùng đuổi theo niệm dục mà dấy khởi quả báo của ác nghiệp.

Tà kiến thứ tám là khi làm ác, cùng mưu hại lẫn nhau.

Tà kiến thứ chín là khi tạo nghiệp thiện như bố thí, trì giới, tu hành các căn thiện thì đều là hữu lậu.

Kinh: “Ở trong cảnh giới của ba cõi, lại có mầm phát sinh, đó là danh-sắc cùng sinh. Sự tăng trưởng không lìa khỏi danh-sắc này và trở thành nơi tụ hợp của sáu nhập. Sáu nhập đã thành rồi thì trong ngoài cùng đối nhau mà phát sinh xúc. Xúc làm nhân duyên cho nên sinh ra thọ. Thọ lạc sâu xa cho nên sinh ra khát ái. Khát ái tăng trưởng cho nên sinh ra thủ. Thủ tăng trưởng cho nên lại khởi hậu hữu (đời sau). Hữu làm nhân duyên cho nên có sinh lão tử ưu bi khổ não. Chúng sinh như vậy sinh trưởng trong đau khổ, trong đó đều là Không, rời xa ngã và ngã sở, chúng vô tri-vô giác như cây cỏ-đá gạch, lại cũng như tiếng vang. Nhưng các chúng sinh không hiểu, không biết mà nhận chịu khổ não”.

Luận: Ở đây nhân duyên có ba loại:

1. Theo tự tướng lại có mầm sinh... cho đến Hữu.
2. Đồng tướng, tức là lỗi lầm của sinh lão bệnh tử.
3. Điền đảo cùng tách rời ngã và ngã sở.

Tự tướng có ba loại:

1. Báo tướng là danh-sắc sinh cùng với thức A-lại-da. Như Kinh: Cảnh giới của ba cõi lại có mầm sinh. Đó là danh-sắc cùng sinh. Danh-sắc cùng sinh tức danh-sắc cùng sinh với thức A-lại-da.

2. Nhân tướng kia là danh-sắc này không lìa thức kia, mà dựa vào đó để cùng sinh. Như Kinh: Không lìa nhau.

3. Tướng thứ tự của quả kia: Sáu nhập cho đến Hữu. Như Kinh: Danh-sắc này tăng trưởng rồi, thành nơi tụ hợp của nhập. Sáu nhập đã thành rồi thì trong ngoài cùng đối nhau mà phát sinh Xúc. Xúc làm nhân duyên sinh ra Thọ. Thọ lạc sâu xa cho nên sinh ra Khát ái. Khát ái tăng trưởng cho nên sinh ra Thủ. Thủ tăng trưởng cho nên lại khởi hậu hữu

(thân sau). Hữu làm nhân duyên cho nên có sinh lão tử-ưu bi-khổ não. Chúng sinh sinh trưởng trong đau khổ.

Ở đây lia ngã và ngã sở: Hai loại này chỉ rõ là Không. Vô tri vô giác: Tức là tự thể là vô ngã. Vô tri vô giác này chỉ rõ không phải là số lượng của chúng sinh động hay không động. Như Kinh: Như cây cỏ-vách đá, lại cũng như tiếng vang. Nhân duyên tương tự là pháp cùng loại. Thế nào là đối với hai loại điên đảo kia? Như Kinh: Nhưng vì các chúng sinh không biết, không hiểu mà thọ nhận khổ đau.

Kinh: “Thấy các chúng sinh không lìa khổ khổ như vậy, Bồ-tát liền sinh trí tuệ Đại Bi, nghĩ: Đây là các chúng sinh mình cần phải giáo hóa, khiến họ trú vào nguồn an vui rốt ráo của Niết-bàn. Vì thế, liền sinh khởi trí tuệ Đại Bi”.

Luận: Thế nào là gồm đủ các thứ đau khổ? Thế nào là xa lìa sự an lạc đệ nhất nghĩa tối thượng? Các điều ấy ở trước đã nói nơi phần thị hiện Đại Từ Bi.

Kinh: “Chư Phật tử! Bồ-tát Ma-ha-tát tùy thuận pháp Đại Từ Bi như vậy, an trú nơi địa thứ nhất. Do tâm thâm diệu, mà đối với tất cả vật không hề luyến tiếc, dùng pháp để cầu trí vi diệu lớn lao của Phật. Tu pháp Đại Xả, những gì có thể bố thí thấy đều đem cho cả. Nào là tiền của, xe cộ, kho tàng đều cho hết. Hoặc đem vàng bạc, ma ni, trân châu, xa cừ, mã não, kha bối, lưu ly, sinh kim ... để bố thí. Hoặc đem những dụng cụ trang nghiêm bằng các vật báu như chuỗi anh lạc để bố thí. Hoặc đem voi, ngựa, xe tải, kiệu khiêng mà bố thí. Hoặc đem chùa, nhà, vườn, ruộng, rừng, lầu gác, suối nước, ao tắm để bố thí. Hoặc đem tôi tở, gia nhân để bố thí. Hoặc đem đất nước, xóm làng, thành ấp, vương đô ban cho. Hoặc đem vợ con nam nữ thí cho. Hoặc đem hết thấy sự việc rất ưa thích đều có thể bố thí. Hoặc dùng hết thấy các chi phần nơi thân thể như đầu, mắt, tai, mũi, tay, chân để bố thí. Bồ-tát bố thí hết thấy mọi vật dụng như vậy không hề tham tiếc, chỉ mong cầu đạt được trí tuệ vô thượng của Phật mà hành trì bố thí.

Bồ-tát Ma-ha-tát an trú nơi địa thứ nhất như thế, có thể thành tựu hạnh xả thí lớn lao”.

Luận: Những gì hiện tại có thể bố thí đều đem thí ngay: Là bởi vì cầu trí vi diệu lớn lao vô thượng của Phật. Tất cả các vật, lược nêu có hai loại: Vật bên ngoài, vật bên trong.

Vật bên ngoài lại có hai loại: Vật đang dùng, vật dự trữ. Như Kinh: Đó là tất cả của cải, lúa thóc kho tàng.

Theo thứ tự như thế, trong ấy, nêu rộng có tám loại: Từ vàng bạc

cho đến các vật dụng mình ưa thích.

Vật bên trong là thuộc về thân mình, coi nó như vật dụng bên ngoài có thể xả thí.

Bố thí thứ nhất là Tổng. Chín loại còn lại là Biệt. Nương vào hai loại vui mừng:

1. Vui mừng do thâm nhiếp.

2. Vui mừng do lợi ích.

- Vui mừng do thâm nhiếp: Như vàng bạc ...

- Vui mừng vì lợi ích có tám loại:

1. Vui mừng vì lợi ích do được trang sức, tức là dùng các thứ báu trang sức.

2. Vui mừng vì lợi ích do thay cho đi bộ, tức là các loại voi-ngựa...

3. Vui mừng vì lợi ích do được vui chơi, tức là như vườn rừng, lầu gác.

4. Vui mừng vì lợi ích do thay cho sự khó nhọc, tức là có các tôi tớ, nô tỳ.

5. Vui mừng vì lợi ích do được tự tại, tức là có đất nước. thôn xóm...

6. Vui mừng vì lợi ích do có quyền thuộc, tức là như vợ con...

7. Vui mừng vì lợi ích do chắc chắn, tức là như tất cả vật dụng được ưa thích.

8. Vui mừng vì lợi ích do xứng hợp với ý. Tức như đầu-mắt-tai...

Kinh: “Dùng tâm đại thí cứu giúp tất cả chúng sinh như vậy, Bồ-tát dần dần suy tìm các việc thù thắng tạo lợi ích thế gian và xuất thế gian. Khi làm công việc ấy thì tâm không mệt mỏi. Do đó, Bồ-tát thành tựu tâm không mệt mỏi. Tâm ấy được thành tựu rồi, đối với tất cả kinh luận, tâm không hề khiếm nhược. Đó gọi là thành tựu trí nhất thiết kinh luận. Trí đó đã được thành tựu, khéo có thể lường tính các việc nên làm hay không nên làm. Đối với các chúng sinh thượng-trung-hạ luôn tùy chỗ thích hợp mà hành hóa, tùy theo sức và tùy theo chỗ cảm nhận. Vì thế, Bồ-tát thành tựu trí thế gian. Đạt được trí ấy thì biết thời gian, số lượng, biết hổ thẹn để tự trang nghiêm, tu tập các đạo tự lợi lợi tha. Cho nên Bồ-tát tạo được sự trang nghiêm do hổ thẹn. Như thế, trong sự hành trì luôn siêng năng tinh tiến tu tập đạt được diệu lực không thối chuyển, vậy là Bồ-tát đã thành tựu diệu lực kiên cố, nhờ đó càng dốc lòng tu hành, cúng dường chư Phật, theo những pháp đã lãnh hội để tu hành.

Chư Phật tử! Bồ-tát hiểu biết hết pháp thanh tịnh nơi các địa sinh

khởi như vậy. Đó là những pháp tin tưởng, từ bi, xả thí không mệt mỏi, biết các kinh luận, khéo lý giải pháp thế gian, biết hổ thẹn, điều lực kiên cố cúng dường chư Phật, như pháp tu hành”.

Luận: Trong này, nương vào trí thế gian ấy để hành hóa thích hợp. Như trong luận nói là tùy theo sức mình, tùy khả năng thọ nhận của kẻ kia. Dựa vào sự hổ thẹn để biết số lượng, biết thời gian. Tức là chỉ rõ có ba loại thời:

1. Thời gian của nhớ nghĩ.
2. Thời gian của đêm-ngày.
3. Thời gian của sự tạo tác, cần phải đạt được không gián đoạn.

Dựa vào điều lực kiên cố trong sự hành hóa như vậy của Bồ-tát, tức là như trên đã nói về tin tưởng ... Siêng năng tu hành có hai loại:

1. Tu hành không xả bỏ điều lực bất thối chuyển.
2. Tu hành với điều lực không chuyển đổi, tinh tiến không dứt.

Cúng dường chư Phật, như pháp tu hành: Có hai loại:

1. Cúng dường lợi dưỡng.
2. Cúng dường tu hành.

Mười loại hạnh này chỉ rõ hai loại thành tựu thù thắng là:

1. Thành tựu tâm sâu xa là tin tưởng-từ bi...
2. Thành tựu sự tu hành là bố thí không mệt mỏi. Hiểu hết về các kinh luận, khéo lãnh hội pháp thế gian, biết hổ thẹn, có sức kiên cố, cúng dường chư Phật, như pháp tu hành...

Trong đó, nương vào tự lợi để hành trì là lòng tin, có thể tin nơi hạnh Bồ-tát cùng pháp của chư Phật, cầu nhất định đạt kết quả mong muốn.

Nương vào lợi tha để hành trì là tâm Từ Bi có năng lực làm cho nên yên ổn và mang lại niềm vui. Xả là đem tiền của nơi mình để trợ giúp việc làm cho kẻ khác, không mệt mỏi là tự thâu nhiếp các pháp để hành hóa.

Hiểu kinh luận, khéo lãnh hội pháp thế gian là dùng pháp để hỗ trợ việc làm cho kẻ khác. Ngoài ra còn ba hành thâu nhiếp giúp cho lòng tin là:

1. Hành không vướng mắc: Dùng hổ thẹn để đối trị chướng ngại, không vướng mắc vào việc làm tin tưởng ...

2. Hành bất động: Có điều lực kiên cố để tin ... không gì có thể làm lay động.

3. Hành tu tập: Tức là mọi sự cấu uế kia đều trở cho nên thanh tịnh khi biết nương vào hành cúng dường chư Phật. Thâu nhiếp lòng tin

nơi căn thiện... Ở đây nương vào hai loại cúng dường cho nên được hai loại thân:

1. Thân vi diệu tối thượng: Là thân khiến người trông thấy đều sinh tâm cung kính, lợi ích không hư giả.
2. Tâm thuận hợp: Là thành tựu căn thiện của tự tánh cho nên ưa thích hành trì pháp.

Trước nói ba mươi câu, từ lòng tin tăng thượng... cho đến thường cầu đạo thù thắng tối thượng, là pháp của địa thanh tịnh. Nay trong mười câu này từ Tin tưởng... cho đến cúng dường chư Phật đều là những pháp làm thanh tịnh các chướng ngại nơi địa. Đó gọi là tu hành, đối chiếu chỗ thù thắng. Thế nào là đối chiếu chỗ thù thắng nơi lợi ích của quả?

Kinh: “Chư Phật tử! Sau khi an trú ở địa Hoan hỷ của Bồ-tát rồi, Bồ-tát này thường thấy chư Phật, nhờ vận dụng diệu lực của đại thần thông, diệu lực của đại nguyện, thấy nhiều Phật từ trăm, ngàn cho đến hàng trăm ngàn Phật, trăm ngàn na-do-tha Phật, nhiều ức Phật, trăm ức Phật, ngàn ức Phật, trăm ngàn ức Phật, trăm ngàn ức na-do-tha Phật, do vận dụng diệu lực của đại thần thông, của đại nguyện. Khi Bồ-tát này thấy chư Phật, thì đem tâm vô thượng, tâm sâu xa cung kính cúng dường, tôn trọng, khen ngợi, phụng hiến y phục, thức ăn uống, ngọc cù, thuốc thang hết cả đều đầy đủ. Rồi dùng các vật dụng tạo an lạc thượng diệu của các Bồ-tát cúng dường cho chúng Tăng, đem hết căn thiện này hồi hướng đến đạo quả Bồ-đề tối thượng. Nhân việc cúng dường chư Phật này, Bồ-tát ấy đã thành tựu pháp giáo hóa tạo ích lợi cho chúng sinh. Bồ-tát ấy thường dùng hai nhiếp pháp để thu nhiếp chúng sinh là bố thí và ái ngữ. Hai nhiếp pháp sau (trong bốn nhiếp) chỉ dùng sức tin hiểu để hành trì, do chưa khéo thông đạt. Bồ-tát này trong mười pháp Ba-la-mật coi trọng hơn hết về Đàn Ba-la-mật. Còn các Ba-la-mật khác, không phải là không tu tập. Tùy sức, tùy phần, Bồ-tát ấy theo chỗ cúng dường chư Phật, luôn giáo hóa chúng sinh, đều có thể nhận lãnh và hành trì pháp thanh tịnh của địa. Bao nhiêu căn thiện như vậy, đều nguyện hồi hướng về đạo quả Nhất thiết chủng trí. Dần dần trở cho nên sáng sạch mà thành tựu thuận hợp, tùy ý sử dụng.

Này chư Phật tử! Ví như thợ kim hoàn khéo léo luyện vàng luôn tiếp cận với lửa, cứ như vậy mãi thì có được vàng sạch-sáng mà thành tựu thuận hợp, tùy ý sử dụng. Chư Phật tử! Bồ-tát cũng lại như vậy. Cứ như thế, như thế, cúng dường chư Phật, giáo hóa chúng sinh, đều có thể tu hành pháp thanh tịnh của địa. Tu hành chính đáng rồi, được tất cả các căn thiện ấy, đều đem hồi hướng đến quả vị Nhất thiết chủng trí. Dần

dẫn tâm ý sáng-sạch mà thành tựu thuận hợp, tùy ý sử dụng”.

Luận: Đối chiếu chỗ thù thắng nơi lợi ích của quả có bốn loại:

1. Thù thắng do lợi ích của quả thuận hợp.
2. Thù thắng do lợi ích của quả phát thú.
3. Thù thắng do lợi ích của quả nhiếp báo.
4. Thù thắng do lợi ích của quả nguyện trí.

Thù thắng do lợi ích của quả thuận hợp: Giống như cách luyện vàng. Tín... cùng với các pháp thiện giống như vàng thật nhiều lần vào trong lửa.

Có ba loại vào là:

1. Vào nơi công đức, cúng dường Phật, Tăng.
2. Vào tâm Bi để giáo hóa chúng sinh.
3. Vào nơi quả vô thượng, nguyện hồi hướng tới đạo quả đại Bồ-đề.

Dùng diệu lực của đại thần thông thấy chư Phật: Là dùng lực đại thần thông thù thắng thấy sắc thân Phật.

Đại nguyện lực là dùng nguyện lực chân chánh bên trong của mình để thấy Pháp thân Phật. Thấy nhiều trăm Phật, cho đến trăm ngàn ức na-do-tha Phật: Là dùng phương tiện thiện xảo thị hiện nhiều Phật, hiển bày số lượng nhiều.

Cúng dường có ba loại là:

1. Cúng dường cung kính: Là tán thán làm sáng tỏ công đức của Phật.
2. Cúng dường tôn trọng: Là lễ bái...
3. Cúng dường phụng thí: Là hiến cúng những hương hoa, hương xoa, hương bột, cờ phướn, lọng báu...

Dem các vật dụng tạo an lạc thượng diệu của các Bồ-tát: Các Bồ-tát này hiện có các vật dụng mà thế gian không thể cung cấp, đều phụng thí cho hết thảy chúng Tăng.

Thế nào là thù thắng do lợi ích của quả phát thú?

Kinh: “Lại nữa, chư Phật tử! Bồ-tát Ma-ha-tát trú ở địa Hoan hỷ của Bồ-tát này, ở trong địa thứ nhất có những tướng đạt quả, thuận theo chư Phật, Bồ-tát, và thiện tri thức để suy tìm, thỉnh hỏi những pháp thành tựu các địa, không hề biết chán đủ. Bồ-tát an trú trong địa thứ nhất như vậy phải luôn tìm hiểu thỉnh hỏi từ chư Phật, Bồ-tát và thiện tri thức.

Trong địa thứ hai đến địa thứ mười cũng hành trì như vậy, thành tựu pháp của mười địa không hề chán đủ. Bồ-tát ấy khéo nhận biết cách

đối trị chướng ngại của các địa. Khéo nhận biết địa thành hoại. Khéo nhận biết tướng của địa. Khéo nhận biết quả tu chứng của địa. Khéo nhận biết phần thanh tịnh của địa. Khéo nhận biết việc chuyển từ địa này lên địa khác. Khéo nhận biết trú xứ của từng địa. Khéo nhận biết đối chiếu trí thù thắng của từng địa. Khéo nhận biết chỗ đạt được không thối chuyển của địa. Khéo nhận biết hết thấy Bồ-tát địa chuyển nhập thanh tịnh vào trí địa của Như Lai.

Chư Phật tử! Bồ-tát khéo dấy khởi tướng địa như vậy, phát ý không trú vào địa thứ nhất, mà chuyển lên địa thứ mười không bị chướng ngại. Do được mười địa cho nên trí tuệ càng sáng tỏ, có thể đạt được ánh sáng nơi trí tuệ của chư Phật. Chư Phật tử! Ví như mười dẫn đường giỏi, dẫn đám đông đi vào kinh thành lớn kia, khi chưa lên đường, trước tiên cần phải hỏi những lợi ích tốt đẹp ... trên đường sẽ đi, hỏi trên đường đó có những trở ngại hiểm nạn nào. Ông lo liệu về lương thực đầy đủ, thưa hỏi cái gì cần làm, suy tính hết từ đầu đến cuối mọi điều, rồi mới phát khởi lên đường, cuối cùng tới thành phố lớn kia sau khi trải qua nhiều đoạn đường nguy hiểm, nhưng mọi người đều an toàn. Nay các Phật tử! Đại Bồ-tát là bậc Đạo sư thiện xảo cũng lại như vậy. Trú nơi địa thứ nhất, khéo nhận biết cách đối trị các chướng ngại của địa, cho đến khéo nhận biết hết thấy Bồ-tát ở địa thanh tịnh, chuyển vào trí địa của Như Lai.

Bấy giờ, Bồ-tát có đủ phước đức lớn làm hành trang trợ đạo, khéo lựa chọn trợ đạo trí tuệ, mong dẫn dắt chúng sinh đến đại thành Nhất thiết chủng trí. Lúc chưa lên đường, trước tiên phải hỏi về nẻo công đức của địa, biết đâu là chỗ lùi bước của các địa. Lại hỏi chuyện tốt đẹp nơi đường đi của địa. Hỏi về nỗi lo thối chuyển ở giữa đường của địa. Phải có đủ đại công đức, hành trang của trí tuệ, những gì cần làm, đều phải thỉnh hỏi từ Phật, Bồ-tát và thiện tri thức. Biết cách đối trị mọi chướng ngại. Bồ-tát biết rõ đường tới đại thành Nhất thiết trí, ngay từ điểm chưa xuất phát, đến đó bằng cách hành trì đầy đủ đại công đức, hành trang của trí tuệ, giáo hóa tất cả chúng sinh vượt qua mọi chặng đường hiểm nạn của thế gian, khiến họ an trú trong đại thành Nhất thiết trí, không còn bị nhiễm trong hiểm họa sinh tử ở đời, thân mình và chúng sinh không còn các suy tổn khổ não. Chư Phật tử! Do đó, Bồ-tát Ma-ha-tát này thường hiện bày tâm không mỗi một, luôn siêng tu tập nghiệp của các địa với trí thù thắng nơi bản hạnh.

Chư Phật tử! Đó gọi là lược nói về Bồ-tát Ma-ha-tát hội nhập nơi cửa địa Hoan hỷ của Bồ-tát. Nói rộng thì có trăm ngàn vạn ức A-tăng-kỳ sự việc”.

Luận: Các tướng là những chướng ngại và tướng đối trị hiện có trong các địa, đạt được là chứng đắc trí xuất thế gian. Quả là nhờ chứng trí lực mà đạt được trí thế gian và xuất thế gian.

Các pháp thành tựu của địa là sự tin tưởng... nơi các địa đều có đủ. Có năm loại phương tiện:

1. Phương tiện về quán chiếu.
2. Phương tiện để chứng đắc.
3. Phương tiện về tăng thượng.
4. Phương tiện không thối chuyển.
5. Phương tiện để đạt tới tận cùng.

Phương tiện về quán chiếu: Là khéo léo đối trị chướng ngại và biết rõ sự thành hoại. Như Kinh: Bồ-tát này khéo nhận biết đối trị chướng ngại của các địa. Khéo nhận biết sự thành hoại của địa. Đối trị chướng ngại của mười địa có mười loại, gọi là mười địa như đã nói trong phần Căn bản ở trước. Thứ tự như vậy tích tập cho nên thành, tan lìa cho nên hoại. Được phương tiện là nhằm tiến vào phương tiện, đã hội nhập phương tiện rồi thì theo đó mà tăng tiến, thành tựu. Như Kinh: Khéo nhận biết tướng của địa. Khéo nhận biết quả tu của địa. Khéo nhận phần thanh tịnh của địa.

Phương tiện tăng thượng: Là địa này chuyển lên địa khác, trú xứ của mỗi địa, sự tăng trưởng của mỗi địa, hết thảy đều nhận biết một cách khéo léo. Như Kinh: Khéo nhận biết sự chuyển địa này lên địa khác. Khéo nhận biết chỗ ở của các địa. Khéo nhận biết trí thù thắng của các địa qua đối chiếu.

Phương tiện không thối chuyển. Như Kinh: Khéo nhận biết địa đạt được pháp không thối chuyển.

Phương tiện đạt tới tận cùng: Là Bồ-tát hành trì xong địa Bồ-tát thì khéo léo hội nhập nơi địa của Như Lai. Như Kinh: Khéo nhận biết tất cả địa Bồ-tát thanh tịnh, chuyển nhập trong trí địa của Như Lai.

Chư Phật tử! Ví như người dẫn đường khéo léo, đưa đám đông đến thành phố lớn kia, muốn đi tới một cách chắc chắn thì người dẫn đường phải có hai loại phương tiện: Một là phương tiện không lầm đường. Ông ta đều khéo nhận biết về đường sá nơi nào là lợi, nơi nào là bất trắc, mọi nơi chốn trên đường đi, chốn nào là thuận hợp, nơi nào là xấu hiểm. Như Kinh: Trước phải hỏi chuyện ích lợi trong đường ấy như thế nào. Hỏi có những hiểm nạn gì khiến lùi bước, có gì hay, giữa đường có những trở ngại gì khiến phải rút lui..

Hai là phương tiện của lợi ích nơi vật cần dùng. Như Kinh: Gồm

đủ hành trang cái gì cho nên làm ...

Thế nào là thù thắng do lợi ích của quả nhiếp báo ?

Kinh: “Bồ-tát Ma-ha-tát trú ở địa thứ nhất này, phần nhiều làm vua nơi cõi Diêm-phù-đề, giàu sang tự tại, thường hộ trì chánh pháp, thâm nhiếp các chúng sinh bằng những pháp đại bố thí, khéo dứt trừ mọi cấu uế của chúng sinh là tánh tham lam-keo kiết-đổ ky. Luôn hành hóa đại xả không bao giờ cạn. Các việc làm đều là thiện như bố thí-ái ngữ-lợi hành-đồng sự. Những phước đức ấy đều nhờ không lìa niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, không lìa niệm các Bồ-tát, cùng những việc làm của Bồ-tát, không lìa niệm về các Ba-la-mật, không lìa niệm về mười địa, không lìa niệm về diệu lực bất hoại, không lìa niệm về pháp vô úy, không lìa niệm về các pháp bất cộng, cho đến không lìa niệm về trí Nhất thiết trí, nhận biết đầy đủ về mọi chủng loại. Thường sinh tâm như vậy: Đối với tất cả chúng sinh, mình sẽ là thượng thủ, là thù thắng, là lớn lao, vi diệu, tối thượng, vô thượng, tôn quý, là bậc Đạo sư, là vị tướng soái, cho đến là bậc Nhất thiết trí, là nơi nương dựa của mọi chúng sinh.

Chư Phật tử! Đại Bồ-tát này nếu muốn lìa bỏ nhà cửa siêng năng hành trì tinh tiến đối với pháp Phật, liền có thể xả bỏ năm dục lạc đối với gia đình, vợ con. Được xuất gia rồi, thì càng tinh tiến, trong khoảng khắc đạt được trăm Tam-muội, thấy trăm Phật, nhận biết thần lực của trăm Phật, có thể làm chuyển động thế giới của trăm Phật, có khả năng hội nhập thế giới của trăm Phật, có thể chiếu sáng hàng trăm thế giới Phật, giáo hóa chúng sinh nơi thế giới của hàng trăm Phật, trú thọ trong trăm kiếp, nhận biết sự việc của các đời quá khứ, vị lai hàng trăm kiếp, có thể khéo đi vào hàng trăm pháp môn, biến hóa hàng trăm thân, từ mỗi mỗi thân đó, thị hiện ra hàng trăm Bồ-tát làm quyến thuộc”.

Luận: Thù thắng do lợi ích của quả nhiếp báo có hai loại: Quả báo tại gia và quả báo xuất gia. Quả báo tại gia lại có hai loại: Một là thân thượng thắng như làm vua cõi Diêm-phù-đề. Như Kinh: Bồ-tát Ma-ha-tát trú nơi địa thứ nhất này, phần nhiều làm vua cõi Diêm-phù-đề, giàu sang tự tại, thường hộ trì chánh pháp. Hai là quả thượng thắng: Tức là khéo léo chế ngự mọi thứ tham lam-keo kiết-ganh ghét. Như Kinh: Có thể dùng pháp bố thí lớn để thâm nhiếp chúng sinh, khéo diệt trừ tánh tham lam-keo kiết-ganh ghét của chúng sinh. Có thể thâm nhiếp chúng sinh bằng đại thí là chính mình làm việc bố thí, rồi khéo khuyên kẻ khác bố thí. Thâm nhiếp chúng sinh, khéo chuyển hóa mọi cấu uế của keo kiết-ganh ghét nơi họ, dùng phương tiện thiện xảo với bốn Nhiếp pháp

để thâm nhiếp chúng sinh.

Không lìa niệm Phật... là chỉ rõ không lìa các sự việc tự lợi. Các niệm như thế, hành trì đầy đủ là thành tựu đại cung kính, xua tan mọi vọng tưởng. Niệm ấy, nói tóm lược có bốn loại:

1. Niệm tối thượng: Là nhớ nghĩ về Tam bảo.
2. Niệm đồng pháp: Là nhớ nghĩ về các Bồ-tát.
3. Niệm công đức: Là nhớ nghĩ về thân mình, thân người, việc làm của Bồ-tát, tự thể chuyển biến thù thắng.
4. Niệm cầu nghĩa: Là nhớ nghĩ về các lực, vì đó là cứu cánh chân thật.

Niệm tối thượng là gì? Là nhớ nghĩ về Phật, nhớ nghĩ về pháp của Phật... Đối với người cho, kẻ nhận, vật cho và Bồ-đề, không sinh tâm phân biệt, không chấp giữ. Như vậy trong tất cả chỗ tạo tác, người làm không chấp trước, cảnh giới không chấp trước, việc làm không chấp trước, quả báo không chấp trước. Đem hết thấy sự hành trì này nguyện hồi hướng về đạo quả đại Bồ-đề.

Bậc thượng thủ có hai loại:

1. Thượng thủ thù thắng, là bậc có công đức chói sáng.
2. Thượng thủ lớn lao, Là không còn ai hơn.

Thù thắng có hai loại:

1. Thù thắng tự tại do trí tuệ vi diệu.
2. Thù thắng tự tại do lìa bỏ tất cả phiền não.

Lớn lao có hai loại:

1. Ở trên là không ai sánh bằng.
2. Vô thượng là không ai có thể vượt hơn.

Như vậy là làm sáng tỏ công đức của tự thể. Dẫn đường là ở trong A-hàm (kinh điển) phân biệt nghĩa pháp thuyết giảng đúng đắn. Bậc tướng nghĩa là giúp kẻ khác chứng đắc diệu nghĩa, diệt trừ các thứ phiền não. Bậc thầy là dạy bảo truyền trao, khiến hội nhập chánh đạo. Cho đến làm chỗ nương dựa hết thấy trí Nhất thiết trí, là dùng đạo đại Bồ-đề để giáo hóa. Đó gọi là sự thù thắng do lợi ích của quả nhiếp báo nơi Bồ-tát tại gia.

Lại nữa, Bồ-tát xuất gia với nghiệp thù thắng do thiên định. Nghiệp thù thắng có hai loại:

1. Thù thắng do Tam-muội, là trong một niệm đạt được hàng trăm Tam-muội, đạt được diệu lực tự tại của Tam-muội.
2. Thù thắng do sự tạo tác của Tam-muội, tức là thấy được hàng trăm Phật. Do đạt được diệu lực của Tam-muội ấy, cho nên đối với chư

Phật trong mười phương đều được gia hộ. Nơi trú xứ của các Bồ-tát, tu tập trí tuệ. Có khả năng làm chuyển động thế giới của hàng trăm Phật, tức là khiến chúng sinh có thể giáo hóa để phát sinh chánh tín. Có khả năng tiến vào thế giới của hàng trăm Phật, chiếu sáng hàng trăm thế giới Phật, có thể giáo hóa chúng sinh nơi hàng trăm thế giới Phật; là đi tới các nơi chốn đó cùng thấy và chính thức giáo hóa chúng sinh.

Có thể sống lâu hàng trăm kiếp; là thâm nhiếp sự sống thù thắng. Có khả năng nhận biết sự việc về quá khứ, vị lai trong trăm kiếp; là hóa độ các chúng sinh hành trì việc đứng đầu là lìa ác, thuyết giảng về con đường tạo nghiệp thiện-ác. Có thể tiến vào trăm pháp môn; là tăng trưởng trí tuệ của mình, suy tư về diệu nghĩa của vô số pháp môn. Có năng lực biến một thân ra trăm thân, rồi nơi mỗi mỗi thân biến ra trăm Bồ-tát làm quyến thuộc; là hành trì mau chóng để tạo nhiều lợi ích.

Thế nào là sự thù thắng do lợi ích của quả nguyện trí?

Kinh: “Nếu so với nguyện lực tự tại thắng thượng, thì nguyện lực của Bồ-tát thị hiện sẽ vượt hơn số lượng ấy. Thị hiện nhiều loại thần thông, hoặc về thân, hoặc ánh sáng, hoặc thần thông, hoặc về mắt, về cảnh giới, về âm thanh, về hành, về trang nghiêm, về gia hộ, về tin tưởng, về nghiệp, những thần thông như vậy, cho đến vô lượng trăm ngàn vạn ức na-do-tha kiếp, không thể tính biết được”.

Luận: Ở đây thân là nơi nương tựa căn bản cho mọi hành hóa của Bồ-tát. Nương vào thân ấy cho nên có ánh sáng, thần thông. Dựa vào ánh sáng này cho nên có thiên nhãn. Do có thiên nhãn cho nên mới trông thấy cảnh giới trước mắt.

Tất cả mắt (nhãn) có năm loại cho nên biết. Dựa vào các thần thông cho nên có âm thanh cùng sự hành trì trang nghiêm, gia hộ. Âm thanh là sự ứng hợp với lời nói. Hành trì là đi đến khắp mười phương. Trang nghiêm là thực hiện vô số sự ứng hiện. Gia hộ là dùng thần lực gia hộ cho Bồ-tát. Tin là nương tựa vào môn Tam-muội, hiện thần thông lực, tùy theo chỗ tin của các chúng sinh mà lợi ích được thành tựu. Nghiệp là nương vào mắt tuệ để thâm nhiếp môn Đà-la-ni, thị hiện giảng nói pháp.

Lược nêu về hết thấy các địa, mỗi địa đều có Thể của nhân và tướng của quả, nên biết.

